

Số: **116** /KH-UBND

Hà Nội, ngày **26** tháng 5 năm 2015

KẾ HOẠCH

Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung do cấp huyện thực hiện năm 2015

Thực hiện Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020; Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2015;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội năm 2015 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Cụ thể hóa để thực hiện Nghị quyết 25/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020.

- Tạo được sự phối kết hợp chặt chẽ của các cấp, ngành trên địa bàn Thành phố để đạt được mục tiêu của các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp đã được UBND Thành phố phê duyệt:

+ Quyết định số 3319/QĐ-UBND ngày 03/7/2009 phê duyệt "Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thành phố Hà Nội, giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến năm 2020";

+ Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 17/6/2011 phê duyệt "Chương trình phát triển chăn nuôi theo vùng, xã trọng điểm và chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư thành phố Hà Nội giai đoạn 2010-2015";

+ Quyết định số 6098/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 phê duyệt "Đề án phát triển sản xuất và tiêu thụ chè an toàn thành phố Hà Nội đến năm 2016, định hướng đến năm 2020";

+ Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 phê duyệt "Đề án phát triển một số loại cây ăn quả giá trị kinh tế cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2016";

+ Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 phê duyệt "Chương trình phát triển sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao giai đoạn 2011-2015 thành phố Hà Nội";

+ Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 05/5/2009 và Quyết định số 5975/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 phê duyệt "Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2009-2015";

+ Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 phê duyệt "Đề án phát triển sản xuất hoa, cây cảnh thành phố Hà Nội, giai đoạn 2012-2016".

- Xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung, cánh đồng mẫu lớn, phát triển đồng bộ, bền vững.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng và điều kiện áp dụng:

Các doanh nghiệp trong nước; hộ gia đình, cá nhân, trang trại; hợp tác xã tại các vùng sản xuất chuyên canh tập trung thuộc Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chưa được hưởng các khoản chính sách thực hiện từ các chương trình, dự án, đề án phát triển sản xuất nông nghiệp:

- Có cam kết thực hiện sản xuất, tiêu thụ sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT có phẩm cấp chất lượng từ giống cấp xác nhận trở lên để thay thế các giống cây trồng, thủy sản có năng suất, chất lượng thấp hoặc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, thủy sản.

- Có diện tích đang sản xuất chưa có hệ thống cấp nước tưới cho cây trồng; chưa có thùng (bê) lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật; chưa có hệ thống xử lý môi trường trong chăn nuôi và hệ thống làm giàu ô xy trong nuôi trồng thủy sản.

Trường hợp trong cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án, đề án khác nhau thì đối tượng được lựa chọn áp dụng một số chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

2.1. Hỗ trợ khuyến khích chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu cây trồng, vật nuôi:

a) Hỗ trợ về giống cây trồng, giống thủy sản:

Ngân sách cấp huyện hỗ trợ trực tiếp một lần 50% chi phí mua giống lần đầu. Riêng giống hoa Lan nuôi cấy mô, hoa Lily hỗ trợ một lần 20% chi phí mua giống lần đầu.

b) Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh:

Ngân sách cấp huyện hỗ trợ trực tiếp:

- Đối với cây trồng: Hỗ trợ 50% chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 30% trong năm thứ hai bao gồm: thuốc, công lao động, thuê máy. Hỗ trợ 70% chi phí trong năm đầu và 50% trong năm thứ hai chi phí bảo vệ thực vật khi sử dụng các chế phẩm sinh học, có nguồn gốc sinh học để phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất rau, quả, chè an toàn.

- Đối với thủy sản: Hỗ trợ 50% năm đầu và 30% năm thứ hai chi phí hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường ao nuôi.

2.2. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng:

a) Đối với cây trồng:

Ngân sách cấp huyện hỗ trợ trực tiếp:

- Hỗ trợ một lần chi phí khoan giếng, đào giếng lấy nước tưới cho cây trồng tối đa không quá 10 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ một lần kinh phí mua thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (02 thùng/ha); hỗ trợ 100% trong năm đầu và 70% năm thứ hai đối với chi phí xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

b) Đối với vật nuôi:

Ngân sách cấp huyện hỗ trợ sau đầu tư một lần khi xây dựng công trình xử lý chất thải trong chăn nuôi (lợn, bò) đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo quy định, mức hỗ trợ 300.000 đồng/01 đầu gia súc.

c) Đối với nuôi trồng thủy sản:

Ngân sách cấp huyện hỗ trợ sau đầu tư một lần 50% kinh phí mua thiết bị làm giàu ô xy vùng nước nuôi trồng thủy sản, tối đa không quá 15 triệu đồng/ha.

3. Quy mô thực hiện trên địa bàn Thành phố:

- Chương trình phát triển sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao: 8.310 ha.
- Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản: 631 ha.
- Đề án phát triển một số loại cây ăn quả giá trị kinh tế cao: 224 ha.
- Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn: 1.139 ha.
- Đề án phát triển sản xuất và tiêu thụ chè an toàn: 180 ha.
- Chương trình phát triển chăn nuôi theo vùng, xã trọng điểm và chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư (xử lý môi trường chăn nuôi): 25.000 con.
- Đề án phát triển sản xuất hoa, cây cảnh: 5 ha.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

III. KINH PHÍ

Tổng kinh phí thực hiện (dự kiến): 64.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tư tỷ đồng chẵn.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguồn kinh phí: Tại Quyết định số 6599/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2015 của thành phố Hà Nội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với UBND các quận, huyện, thị xã đào tạo, tập huấn cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

Hướng dẫn và phối hợp với UBND các quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề án trên địa bàn.

Tổng hợp, thẩm định nhu cầu kinh phí của các quận, huyện, thị xã gửi Sở Tài chính trình UBND Thành phố quyết định phân bổ theo quy định; báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Thành phố.

2. Sở Tài chính:

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND Thành phố quyết định bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã:

Tuyên truyền, triển khai thực hiện kế hoạch của UBND Thành phố tới các tổ chức, cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định vùng sản xuất chuyên canh tập trung theo quy hoạch để thực hiện công tác hỗ trợ.

Ban hành kế hoạch thực hiện và phê duyệt dự toán các dự án, chương trình thuộc đối tượng hưởng chính sách của địa phương, phê duyệt các dự án xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi (lợn, bò) trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng. Tổng hợp dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

Thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng chính sách, thẩm tra quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức mở các lớp đào tạo, tập huấn cho các đối tượng phù hợp với địa bàn thực hiện.

Tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính theo yêu cầu của Thành phố.

UBND Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức thực hiện Kế hoạch của UBND Thành phố đã đề ra. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo phản ánh kịp thời để UBND Thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND TP; (Để báo cáo)
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- UBMTTQ và các đoàn thể TP,
- Các sở, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Đ/c CVP, PVP Nguyễn Ngọc Sơn;
- Các phòng: NNNT, KT, TH;
- Lưu: VT. Hồng-NNNT

8906(446)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



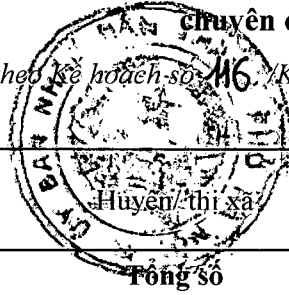
Trần Xuân Việt

KẾ HOẠCH

Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp

chuyên canh tập trung năm 2015

(Kèm theo kế hoạch số **M6**/KH-UBND ngày **16/5/2015** của UBND Thành phố)



Đơn vị: 1000 đồng

STT		Đơn vị tính	Qui mô	Kinh phí hỗ trợ
	Tổng số			64,000,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	8,310	22,000,000
	Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản	ha	631	12,500,000
	Đề án phát triển cây ăn quả giá trị kinh tế cao	ha	224	3,800,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	1,139	9,000,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ chè an toàn	ha	180	2,600,000
	Chương trình phát triển chăn nuôi theo vùng, xã trọng điểm, quy mô lớn ngoài khu dân cư	con	25,000	7,500,000
	Đề án phát triển sản xuất hoa cây cảnh	ha	5	6,600,000
1	Thanh Oai			4,969,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	1,900	3,719,000
	Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản	ha	100	1,250,000
2	Chương Mỹ			6,684,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	1,400	3,359,000
	Đề án phát triển cây ăn quả giá trị kinh tế cao	ha	40	708,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	50	392,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ chè an toàn	ha	10	215,000
	Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản	ha	140	2,010,000
3	Ứng Hòa			7,319,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	450	1,888,000
	Chương trình phát triển chăn nuôi theo vùng, xã trọng điểm, quy mô lớn ngoài khu dân cư	con	14,000	4,200,000
	Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản	ha	80	1,231,000
4	Mỹ Đức			2,173,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	350	697,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	46	371,000
	Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản	ha	70	1,105,000
5	Sóc Sơn			9,706,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	1,750	3,821,000
	Đề án phát triển cây ăn quả giá trị kinh tế cao	ha	40	456,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ chè an toàn	ha	70	789,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	5	41,000
	Đề án phát triển sản xuất hoa cây cảnh	ha	3	4,599,000
6	Thường Tín			4,870,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	350	933,000
	Đề án phát triển cây ăn quả giá trị kinh tế cao	ha	20	394,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	171	1,176,000
	Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản	ha	50	2,367,000

STT	Huyện/ thị xã	Đơn vị tính	Qui mô	Kinh phí hỗ trợ
7	Phúc Thọ			4,944,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	1,460	3,132,000
	Đề án phát triển cây ăn quả giá trị kinh tế cao	ha	20	384,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	30	243,000
	Đề án phát triển sản xuất hoa cây cảnh	ha	2	1,185,000
8	Ba Vì			6,631,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	330	1,199,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ chè an toàn	ha	90	1,381,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	128	1,004,000
	Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản	ha	101	3,047,000
9	Phú Xuyên			5,136,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	300	2,366,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	159	1,280,000
	Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản	con	90	1,490,000
10	Quốc Oai			461,000
	Đề án phát triển cây ăn quả giá trị kinh tế cao	ha	24	246,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ chè an toàn	ha	10	215,000
11	Gia Lâm			1,814,000
	Đề án phát triển cây ăn quả giá trị kinh tế cao	ha	60	1,151,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	85	663,000
12	Hoài Đức			2,295,000
	Đề án phát triển cây ăn quả giá trị kinh tế cao	ha	20	65,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	277	2,230,000
13	Mê Linh			2,680,000
	Chương trình sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao	ha	350	886,000
	Đề án phát triển cây ăn quả giá trị kinh tế cao	ha	20	396,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	174	1,398,000
14	Thạch Thất			81,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	10	81,000
15	Quận Hà Đông			121,000
	Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn	ha	15	121,000
16	Thị xã Sơn Tây			3,300,000
	Chương trình phát triển chăn nuôi theo vùng, xã trọng điểm, quy mô lớn ngoài khu dân cư	con	11,000	3,300,000
17	Đan Phượng			816,000
	Đề án phát triển sản xuất hoa cây cảnh	ha	1	816,000